TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN NƯỚC QUỐC GIA
TRUNG TÂM CẢNH BÁO VÀ DỰ BÁO TÀI NGUYÊN NƯỚC

BẢN TIN CẢNH BÁO, DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC DƯỚI ĐẤT
THÁNG 6 NĂM 2026
PHẠM VI: LƯU VỰC SÔNG THẠCH HÃN

TRUNG TÂM CẢNH BÁO VÀ DỰ BÁO
TÀI NGUYÊN NƯỚC
PHÓ GIÁM ĐỐC

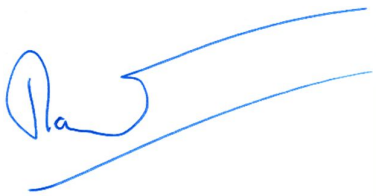

Đặng Trần Trung

NĂM 2026

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG....3
1.1. Tên, địa điểm thực hiện cảnh báo, dự báo....3
1.2. Hiện trạng nguồn nước khu vực cảnh báo, dự báo....3
1.2.1. Đặc điểm nguồn nước dưới đất....3
1.2.2. Mực nước dưới đất....3
1.2.3. Chất lượng nước dưới đất....14
II. CẢNH BÁO VÀ DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC....15
2.1. Dự báo nguồn nước dưới đất....15
2.1.1. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh)....15
2.1.2. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp)....15
2.1.3. Tầng chứa nước khe nứt - lỗ hổng trong đá trầm tích lục nguyên Neogen (n)....16
2.1.4. Tầng chứa nước khe nứt trong phun trào bazan Neogen - Đệ tứ (β(n-q))....17
2.2. Nhận định xu thế diễn biến nguồn nước dưới đất....18
2.3. Cảnh báo nguồn nước dưới đất....18
III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ....18

I. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên, địa điểm thực hiện cảnh báo, dự báo

Bản tin cảnh báo, dự báo nguồn nước dưới đất tháng trên lưu vực sông Thạch Hãn được biên soạn hàng tháng để cung cấp các thông tin về mực nước, chất lượng nước dưới đất nhằm phục vụ các mục đích quản lý, khai thác sử dụng tài nguyên nước và các mục đích khác theo quy định của pháp luật.

Lưu vực sông Thạch Hãn là một trong những lưu vực sông ở Việt Nam với diện tích lưu vực là 2.660 km². Mùa khô trên lưu vực diễn ra từ tháng 1 đến tháng 8, mùa mưa từ tháng 9 đến tháng 12. Nội dung chính của bản tin tháng bao gồm: Thông báo mực nước dưới đất trung bình tháng 5 năm 2026 và chất lượng nước mùa mưa năm 2025; dự báo mực nước dưới đất trung bình tháng 6 tại 04 tầng chứa nước cho toàn lưu vực sông, đưa ra những cảnh báo mực nước trung bình tháng, chất lượng nước trong phạm vi 19 công trình quan trắc tài nguyên nước dưới đất do Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia quản lý và vận hành.

1.2. Hiện trạng nguồn nước khu vực cảnh báo, dự báo

1.2.1. Đặc điểm nguồn nước dưới đất

Nguồn nước dưới đất trên lưu vực sông Thạch Hãn phân bố chủ yếu trong các tầng chứa nước gồm: tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh), tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp), tầng chứa nước khe nứt - lỗ hổng trong đá trầm tích lục nguyên Neogen (n) và tầng chứa nước khe nứt trong phun trào bazan Neogen - Đệ tứ (β(n-q)). Tổng tài nguyên nước dự báo cho các tầng chứa nước qh là 1.158.971,1 m^3/ngày, tầng chứa nước qp là 432.569,5 m^3/ngày, tầng chứa nước n là 227,1 m^3/ngày và tầng chứa nước β(n-q) là 371,3 m^3/ngày.

1.2.2. Mực nước dưới đất

1.2.2.1. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh)

Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 5 so với tháng 4 có xu thế hạ, có 3/4 công trình mực nước hạ, 1/4 công trình mực nước dâng. Giá trị hạ thấp nhất là 0,29m tại phường Quảng Trị (QT9a-QT) và giá trị dâng là 0,14m tại xã Cửa Việt (QT3a-QT).

Trong tháng 5: Mực nước trung bình tháng nông nhất là -0,81m tại xã Cửa Việt (QT3a-QT) và sâu nhất là -7,35m tại phường Quảng Trị (QT9a-QT).

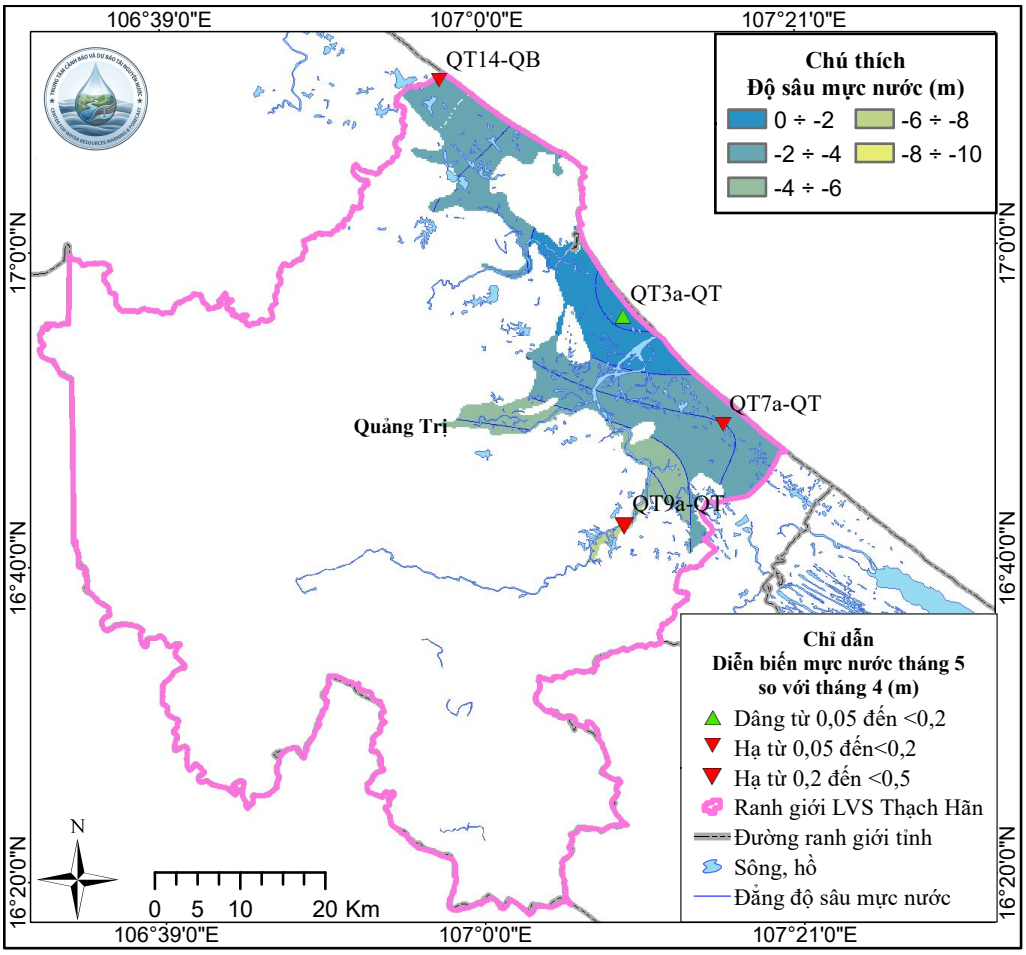

Hình 1. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 tầng qh

Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 5 so với cùng thời điểm 1 năm trước cho thấy mực nước hạ thấp nhất là 0,02m tại phường Quảng Trị. Chi tiết được thể hiện trong các bảng và hình sau:

Bảng 1. Mực nước TB tháng cực trị qua các thời kỳ

Thời gian	Mực nước TB tháng sâu nhất		Mực nước TB tháng nông nhất	
	Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
Tháng 5	-7,35	phường Quảng Trị (QT9a-QT)	-0,81	xã Cửa Việt (QT3a-QT)
1 năm trước (2025)	-7,33	phường Quảng Trị (QT9a-QT)	-0,99	xã Cửa Việt (QT3a-QT)
5 năm trước (2021)	-7,62	phường Quảng Trị (QT9a-QT)	-1,23	xã Cửa Việt (QT3a-QT)

Bảng 2. Giá trị dâng, hạ mực nước cực trị qua các thời kỳ

Thời gian	Xu thế chính	Giá trị hạ thấp nhất		Giá trị dâng cao nhất	
		Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
1 năm trước (2025)	Dâng	0,02	phường Quảng Trị (QT9a-QT)	0,18	xã Cửa Việt (QT3a-QT)
5 năm trước (2021)	Dâng	-	-	0,82	xã Triệu Cơ (QT7a-QT)

Ghi chú: Ký hiệu "-" là không có giá trị/địa điểm.

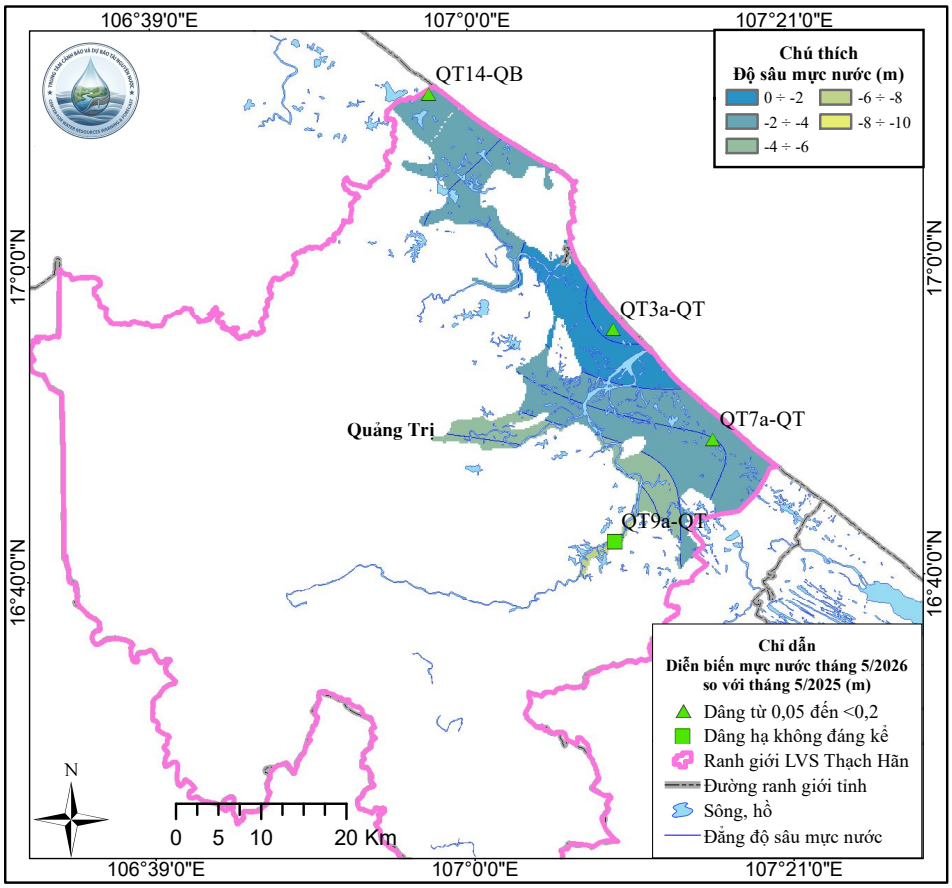

Hình 2. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 so với cùng kỳ năm trước

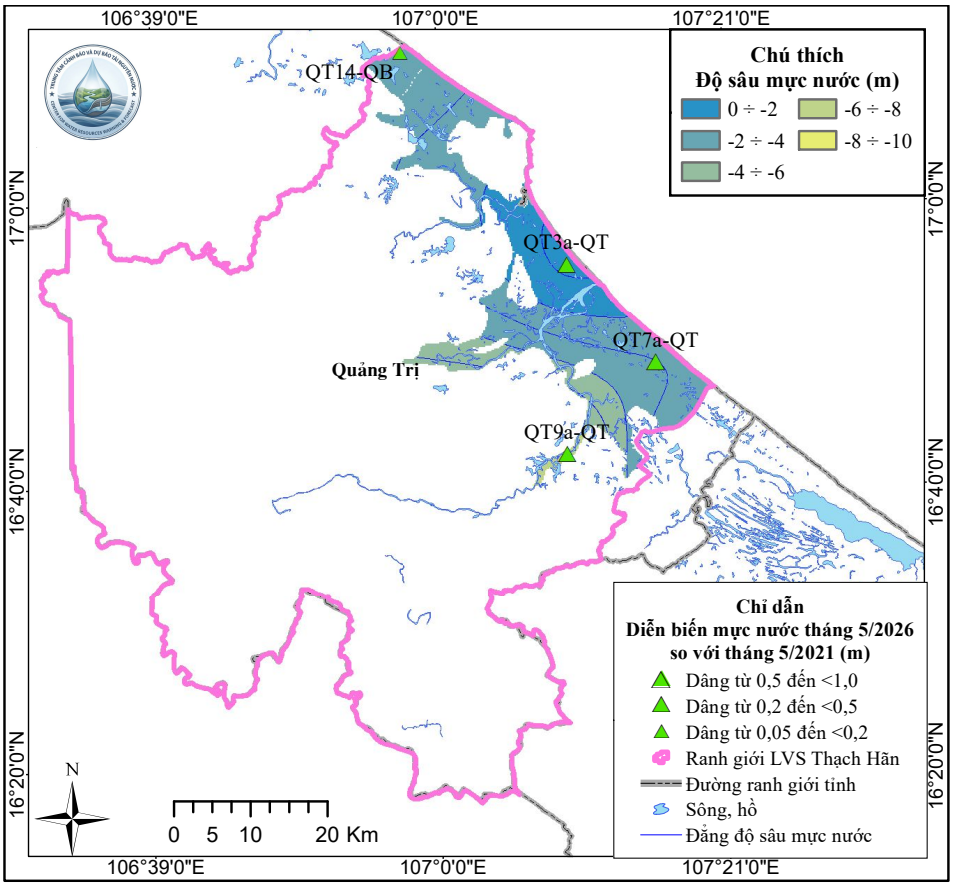

Hình 3. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 so với cùng kỳ 5 năm trước

1.2.2.2. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp)

Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 5 so với tháng 4 có xu thế hạ, có 5/9 công trình mực nước hạ, 4/9 công trình mực nước dâng hạ không đáng kể. Giá trị hạ thấp nhất là 1,37m tại xã Cam Lộ (QT6-QT).

Trong tháng 5: Mực nước trung bình tháng nông nhất là -0,32m tại xã Cửa Việt (QT4-QT) và sâu nhất là -7,42m tại phường Quảng Trị (QT9b-QT).

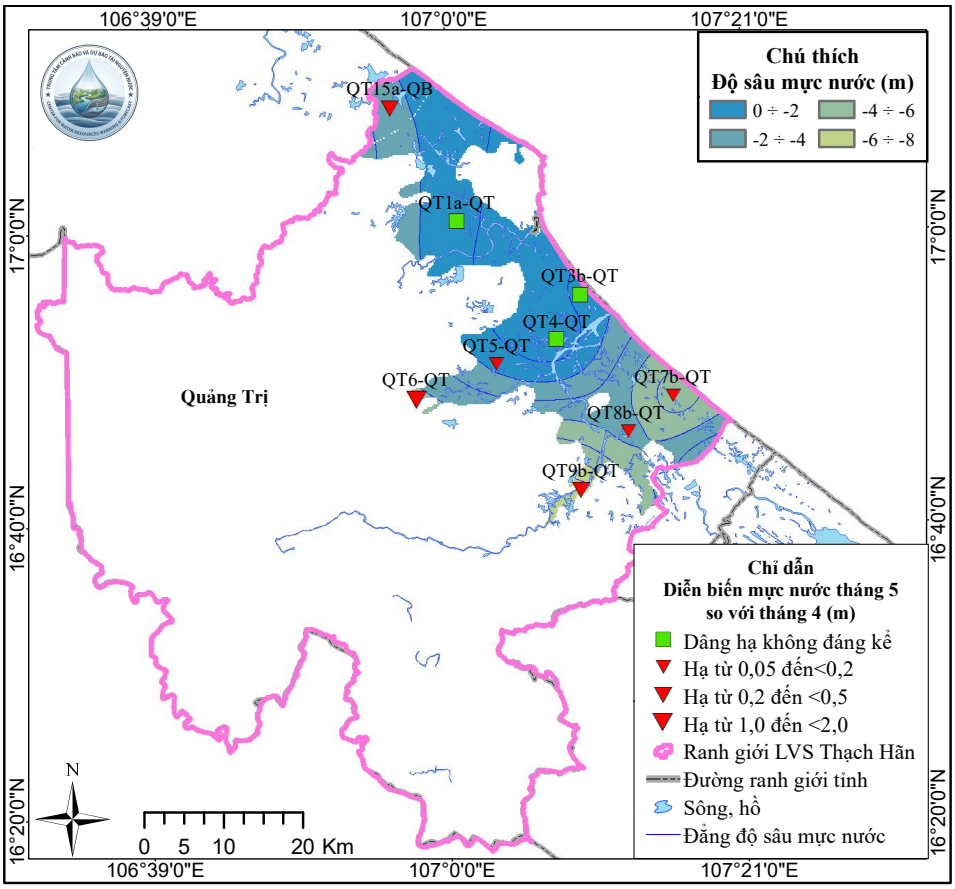

Hình 4. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 tầng qp

Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 5 so với cùng thời điểm 1 năm, 5 năm trước cho thấy mực nước suy giảm lớn nhất lần lượt là 0,67m; 0,41m tại xã Sen Ngư. Chi tiết được thể hiện trong các bảng và hình sau:

Bảng 3. Mực nước TB tháng cực trị qua các thời kỳ

Thời gian	Mực nước TB tháng sâu nhất		Mực nước TB tháng nông nhất	
	Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
Tháng 5	-7,42	phường Quảng Trị (QT9b-QT)	-0,32	xã Cửa Việt (QT4-QT)
1 năm trước (2025)	-7,31	phường Quảng Trị (QT9b-QT)	-0,1	xã Cửa Việt (QT4-QT)
5 năm trước (2021)	-7,59	phường Quảng Trị (QT9b-QT)	-0,61	xã Cửa Việt (QT4-QT)

Bảng 4. Giá trị dâng, hạ mực nước cực trị qua các thời kỳ

Thời gian	Xu thế chính	Giá trị hạ thấp nhất		Giá trị dâng cao nhất	
		Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
1 năm trước (2025)	Hạ	0,67	xã Sen Ngư (QT15a-QB)	0,58	xã Cam Lộ (QT6-QT)
5 năm trước (2021)	Dâng	0,41	xã Sen Ngư (QT15a-QB)	1,09	xã Cam Lộ (QT6-QT)

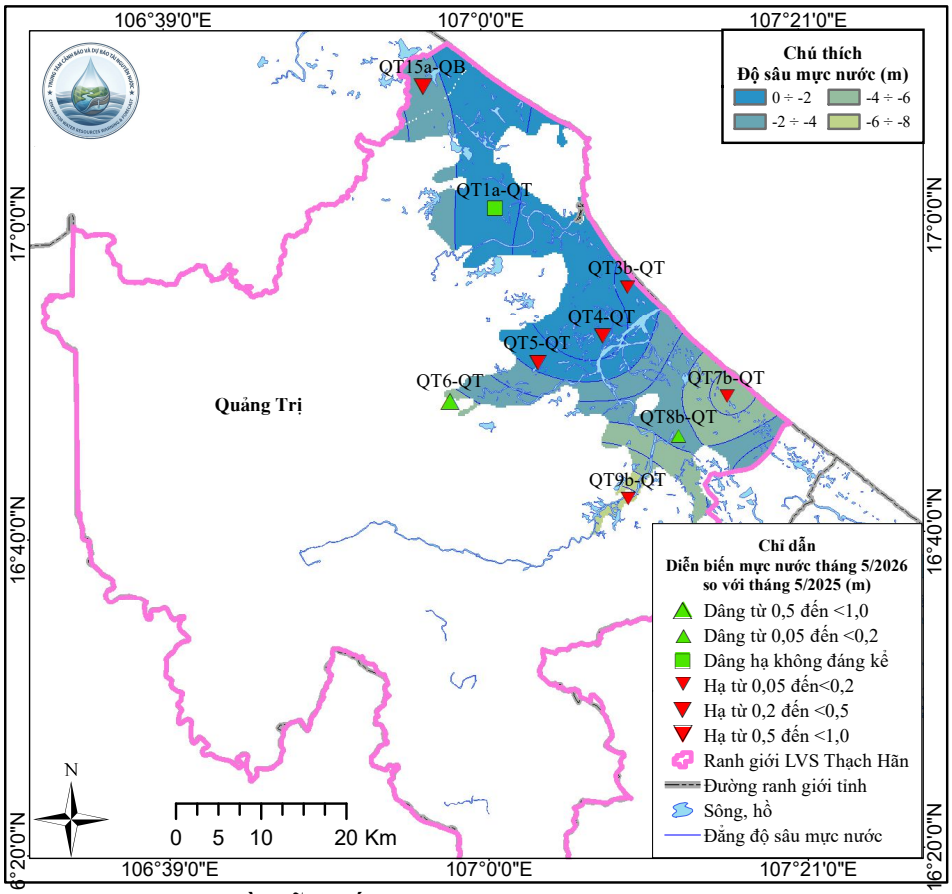

Hình 5. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 so với cùng kỳ năm trước

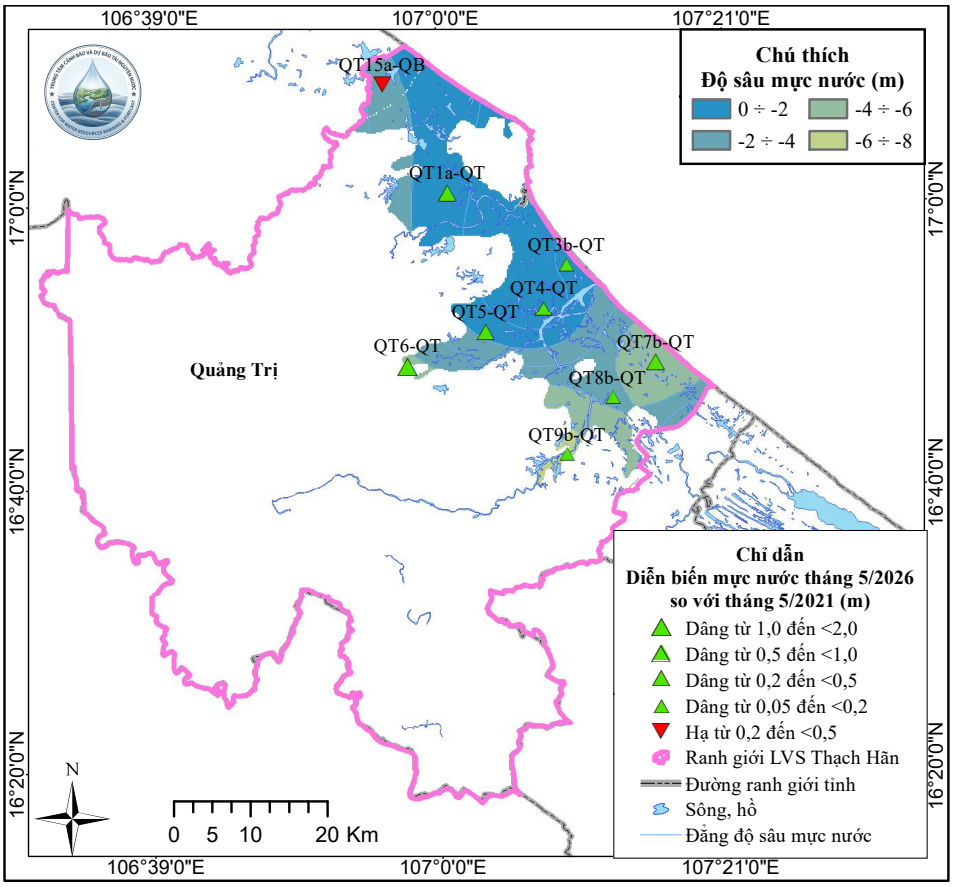

Hình 6. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 so với cùng kỳ 5 năm trước

1.2.2.3. Tầng chứa nước khe nứt - lỗ hổng trong đá trầm tích lục nguyên Neogen (n)

Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 5 so với tháng 4 có xu thế dâng hạ không đáng kể, có 3/4 công trình mực nước dâng hạ không đáng kể, 1/4 công trình mực nước hạ. Giá trị hạ là 0,32m tại xã Triệu Cơ (QT8c-QT).

Trong tháng 5: Mực nước trung bình tháng nông nhất là -1,44m tại xã Vĩnh Thuỷ (QT1b-QT) và sâu nhất là -5,54m tại xã Triệu Cơ (QT7c-QT).

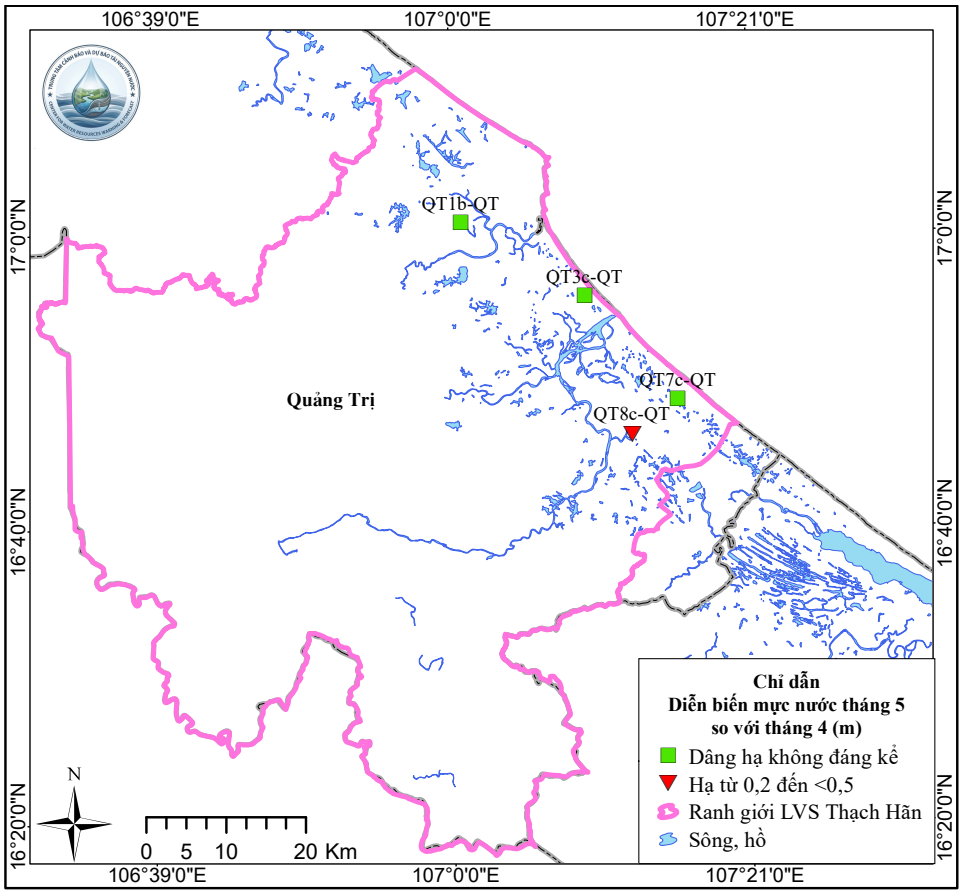

Hình 7. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 tầng n

Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 5 so với cùng thời điểm 1 năm trước cho thấy mực nước suy giảm lớn nhất là 0,04m tại xã Vĩnh Thuỷ. Chi tiết được thể hiện trong các bảng và hình sau:

Bảng 5. Mực nước TB tháng cực trị qua các thời kỳ

Thời gian	Mực nước TB tháng sâu nhất		Mực nước TB tháng nông nhất	
	Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
Tháng 5	-5,54	xã Triệu Cơ (QT7c-QT)	-1,44	xã Vĩnh Thuỷ (QT1b-QT)
1 năm trước (2025)	-5,54	xã Triệu Cơ (QT7c-QT)	-1,4	xã Vĩnh Thuỷ (QT1b-QT)
5 năm trước (2021)	-6,30	xã Triệu Cơ (QT7c-QT)	-2,06	xã Vĩnh Thuỷ (QT1b-QT)

Bảng 6. Giá trị dâng, hạ mực nước cực trị qua các thời kỳ

Thời gian	Xu thế chính	Giá trị hạ thấp nhất		Giá trị dâng cao nhất	
		Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
1 năm trước (2025)	dâng hạ không đáng kể	0,04	xã Vĩnh Thuỷ (QT1b-QT)	0,29	xã Triệu Cơ (QT8c-QT)
5 năm trước (2021)	Dâng	-	-	0,76	xã Triệu Cơ (QT7c-QT)

Ghi chú: Ký hiệu "-" là không có giá trị/địa điểm.

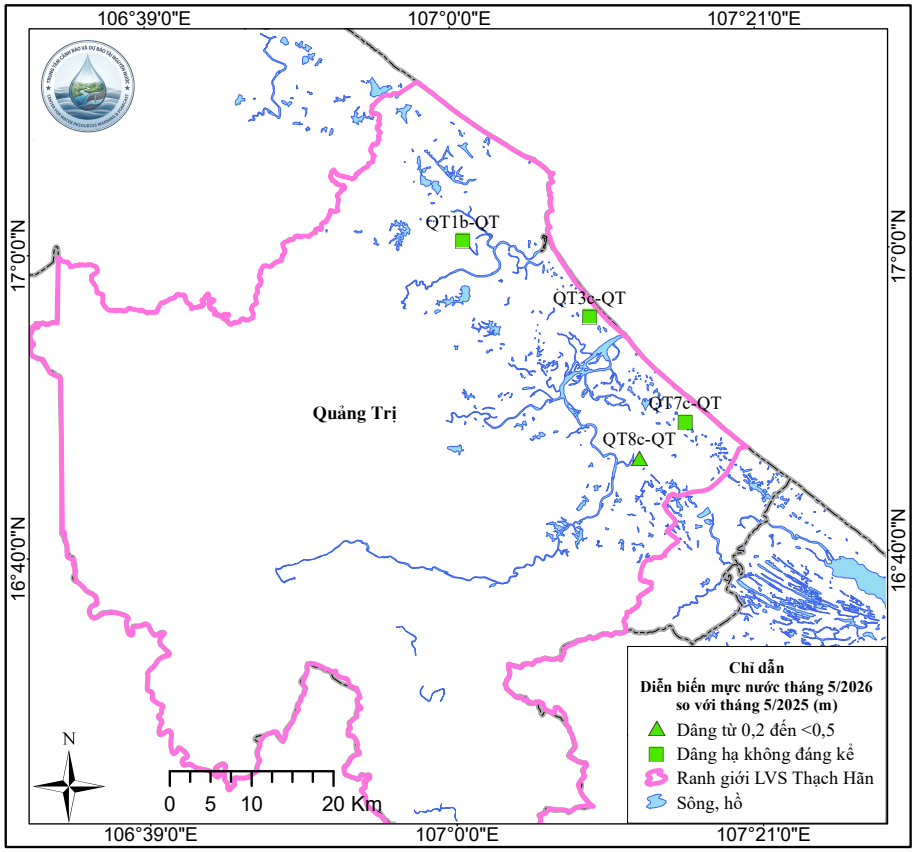

Hình 8. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 so với cùng kỳ năm trước

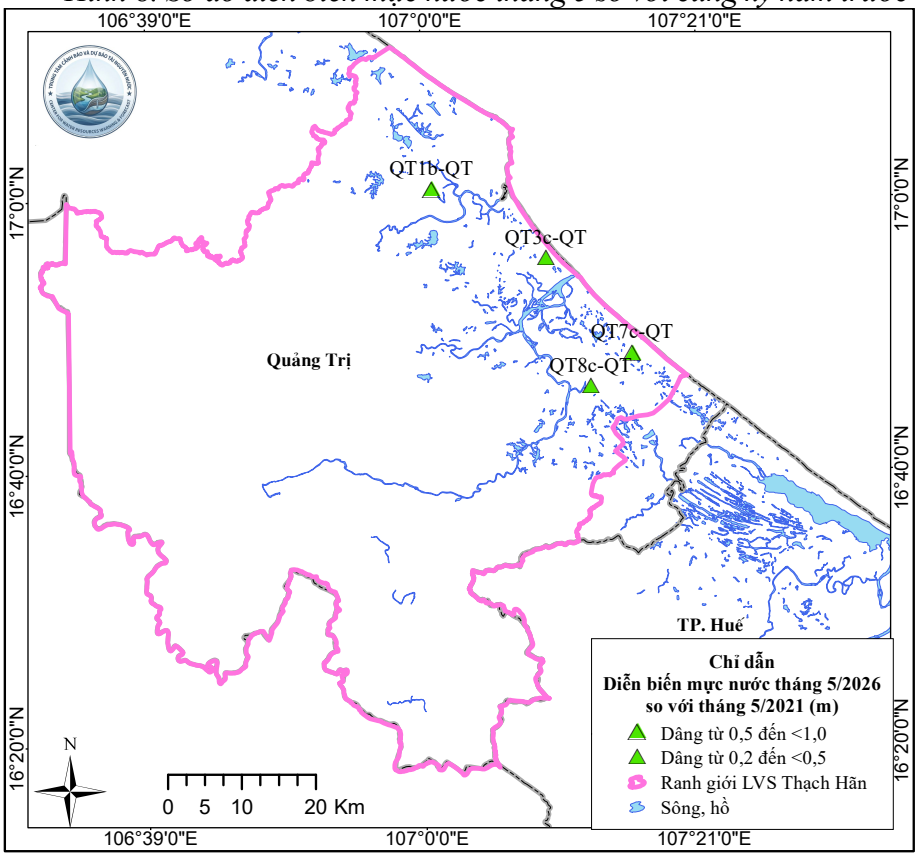

Hình 9. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 so với cùng kỳ 5 năm trước

1.2.2.4. Tầng chứa nước khe nứt trong phun trào bazan Neogen - Đệ tứ (β(n-q))

Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 5 so với tháng 4 có xu thế hạ, có 2/2 công trình mực nước hạ. Giá trị hạ thấp nhất là 1,65m tại xã Cồn Tiên (QT2-QT).

Trong tháng 5: Mực nước trung bình tháng nông nhất là -10,73m tại xã Cồn Tiên (QT2-QT) và sâu nhất là -17,35m tại xã Cửa Tùng (QT13-QT).

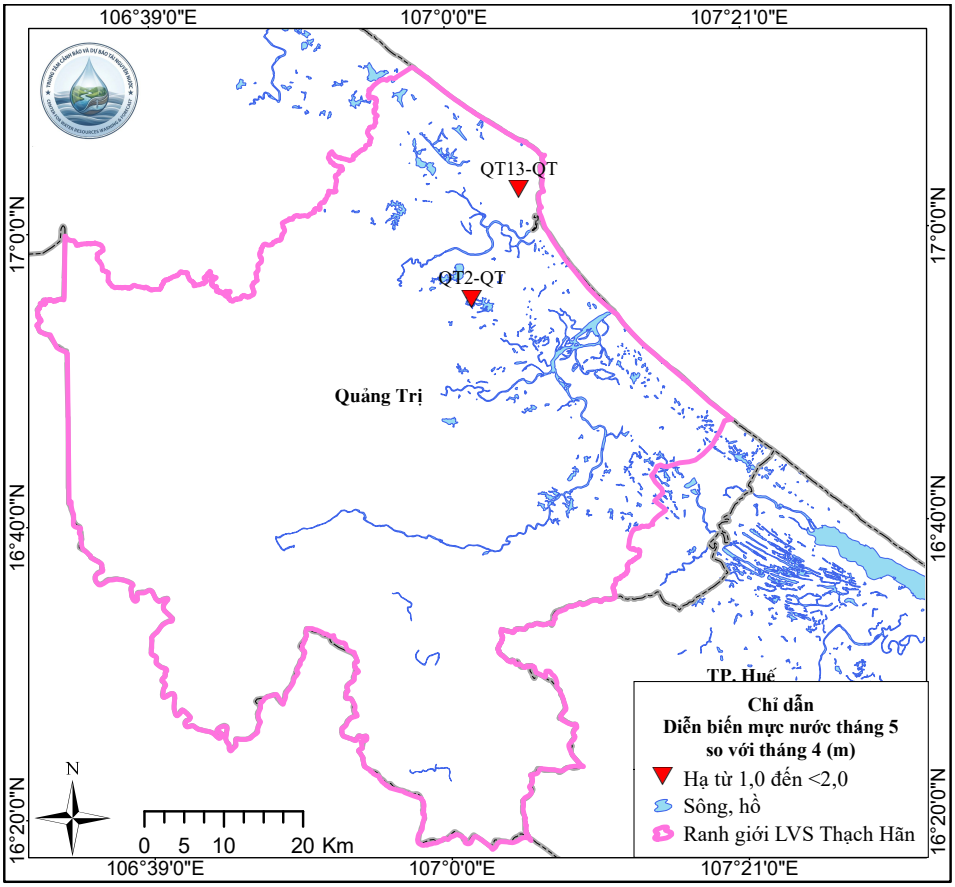

Hình 10. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 tầng β(n-q)

Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 5 so với cùng thời điểm 1 năm trước cho thấy mực nước suy giảm là 1,04m tại xã Cửa Tùng. Chi tiết được thể hiện trong các bảng và hình sau:

Bảng 7. Mực nước TB tháng cực trị qua các thời kỳ

Thời gian	Mực nước TB tháng sâu nhất		Mực nước TB tháng nông nhất	
	Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
Tháng 5	-17,35	xã Cửa Tùng (QT13-QT)	-10,73	xã Cồn Tiên (QT2-QT)
1 năm trước (2025)	-16,31	xã Cửa Tùng (QT13-QT)	-11,51	xã Cồn Tiên (QT2-QT)
5 năm trước (2021)	-17,39	xã Cửa Tùng (QT13-QT)	-11,67	xã Cồn Tiên (QT2-QT)

Bảng 8. Giá trị dâng, hạ mực nước cực trị qua các thời kỳ

Thời gian	Xu thế chính	Giá trị hạ thấp nhất		Giá trị dâng cao nhất	
		Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
1 năm trước (2025)	Dâng	1,04	xã Cửa Tùng (QT13-QT)	0,78	xã Cồn Tiên (QT2-QT)
5 năm trước (2021)	Dâng	-	-	0,94	xã Cồn Tiên (QT2-QT)

Ghi chú: Ký hiệu "-" là không có giá trị/địa điểm.

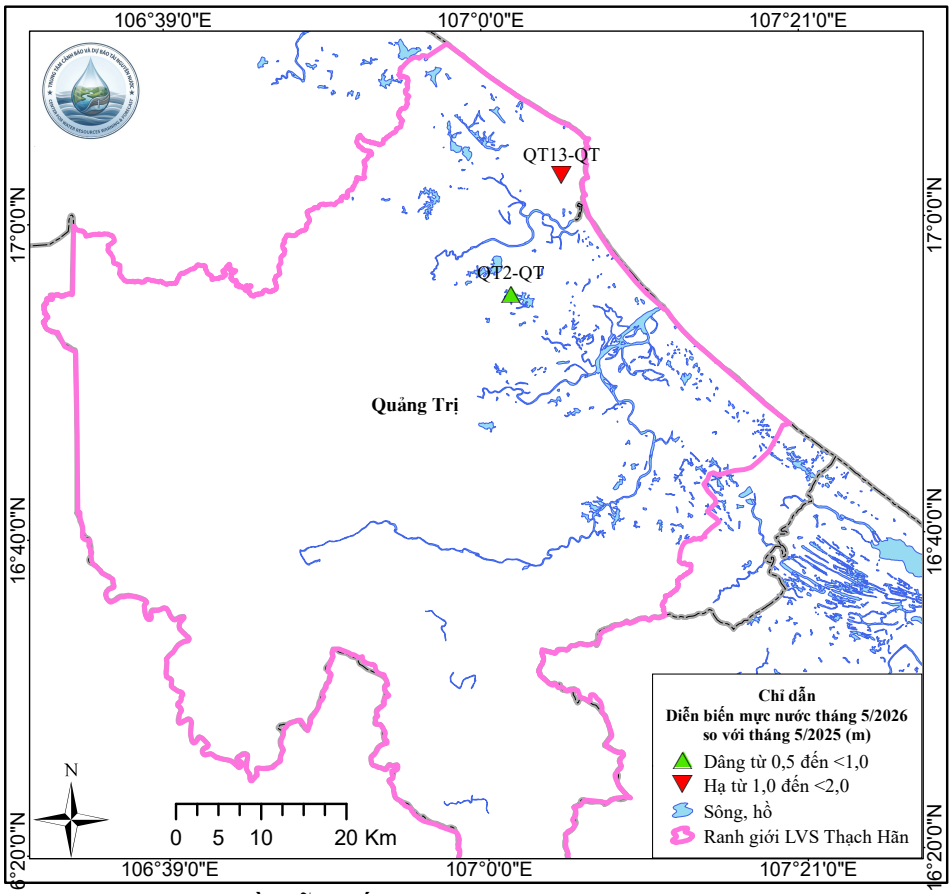

Hình 11. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 so với cùng kỳ năm trước

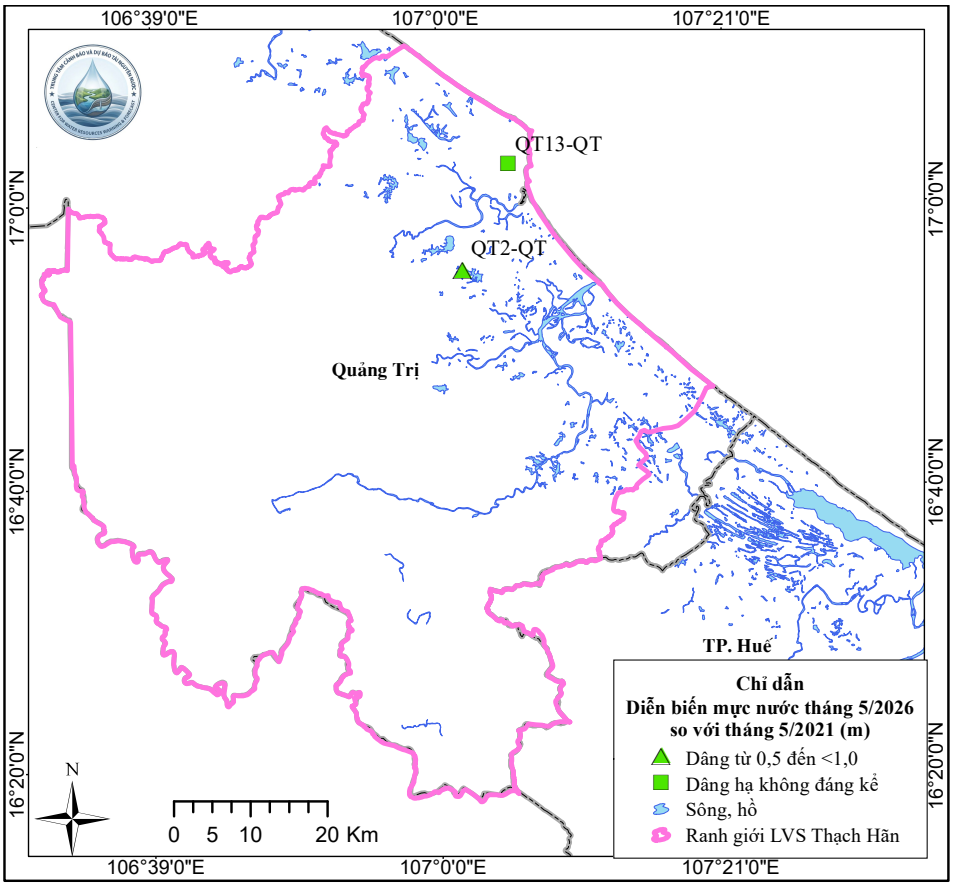

Hình 12. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 so với cùng kỳ 5 năm trước

1.2.3. Chất lượng nước dưới đất

1.2.3.1. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh)

Theo kết quả phân tích chất lượng nước mùa mưa năm 2025 được đánh giá theo QCVN 09:2023/BTNMT tại lưu vực sông cho thấy nước trong tầng thuộc loại nước nhạt. Đa số các thông số không vượt giá trị giới hạn (GTGH), tuy nhiên có thông số vượt là Mangan tại công trình QT9a-QT (phường Quảng Trị).

1.2.3.2. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp)

Theo kết quả phân tích chất lượng nước mùa mưa năm 2025 được đánh giá theo QCVN 09:2023/BTNMT tại lưu vực sông cho thấy nước trong tầng thuộc loại nước nhạt đến mặn. Công trình mặn phân bố tại QT8b-QT (xã Triệu Cơ). Đa số các thông số không vượt giá trị giới hạn (GTGH), tuy nhiên có thông số vượt là Mangan, Chì và Amoni đều vượt GTGH tại công trình QT7b-QT (xã Triệu Cơ).

1.2.3.3. Tầng chứa nước khe nứt - lỗ hổng trong đá trầm tích lục nguyên Neogen (n)

Theo kết quả phân tích chất lượng nước mùa mưa năm 2025 được đánh giá theo QCVN 09:2023/BTNMT tại lưu vực sông cho thấy nước trong tầng thuộc loại nước nhạt đến mặn. Công trình mặn phân bố tại QT8c-QT (xã Triệu Cơ). Các thông số vi lượng và Amoni không vượt giá trị giới hạn (GTGH).

1.2.3.4. Tầng chứa nước khe nứt trong phun trào bazan Neogen - Đệ tứ (β(n-q))

Theo kết quả phân tích chất lượng nước mùa mưa năm 2025 được đánh giá theo QCVN 09:2023/BTNMT tại lưu vực sông cho thấy nước trong tầng thuộc loại nước nhạt. Các thông số vi lượng và Amoni không vượt giá trị giới hạn (GTGH).

II. CẢNH BÁO VÀ DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC

2.1. Dự báo nguồn nước dưới đất

2.1.1. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh)

Diễn biến mực nước dưới đất dự báo tháng 6 so với mực nước quan trắc tháng 5 có xu thế hạ, có 2/4 công trình mực nước hạ, 2/4 công trình mực nước dâng hạ không đáng kể. Mực nước hạ từ 0,2 đến 0,5m tập trung ở xã Cửa Việt, xã Triệu Cơ.

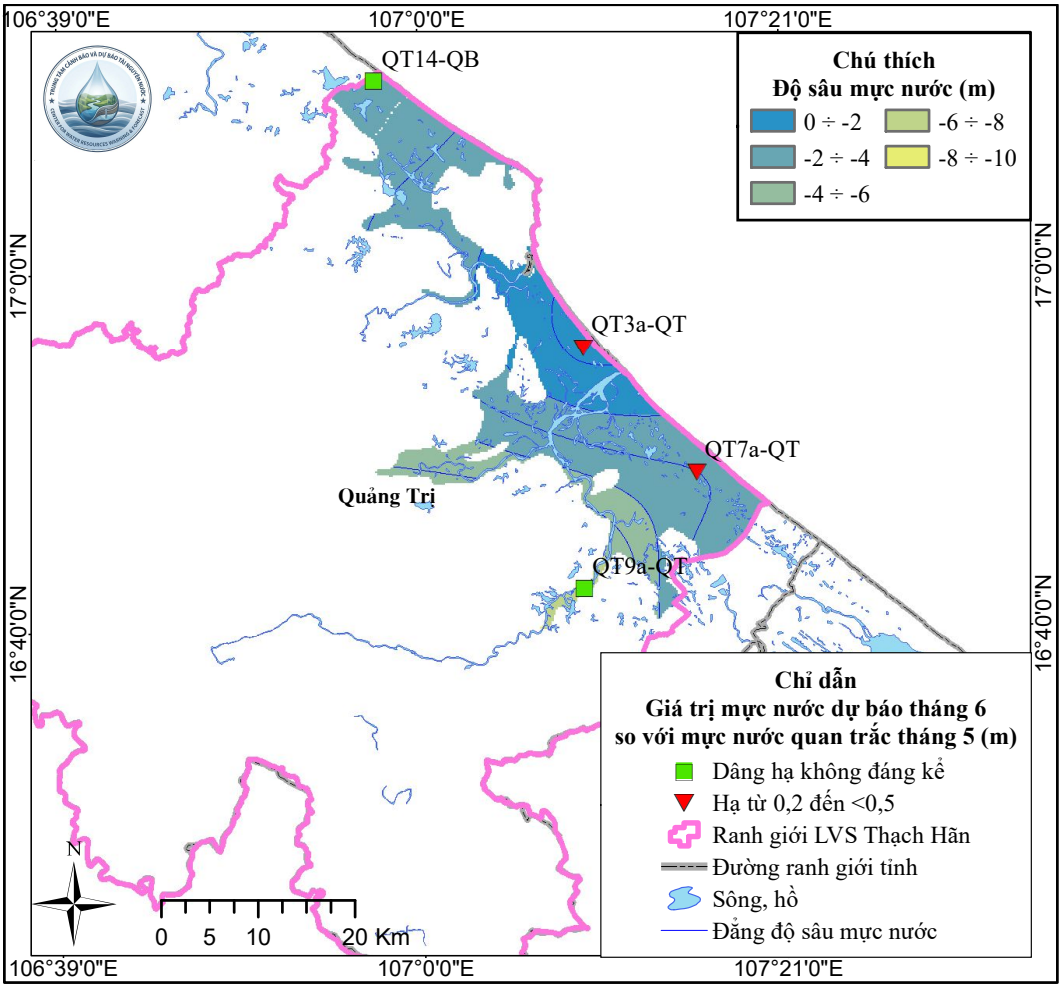

Hình 13. Sơ đồ dự báo mực nước tầng qh

2.1.2. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp)

Diễn biến mực nước dưới đất dự báo tháng 6 so với mực nước quan trắc tháng 5 có xu thế hạ, có 7/9 công trình mực nước hạ, 1/9 công trình mực nước dâng hạ không đáng kể và 1/9 công trình mực nước dâng. Mực nước hạ từ 1 đến 2m tập trung ở xã Cam Lộ và mực nước dâng từ 0,05 đến 0,2m tập trung ở phường Quảng Trị.

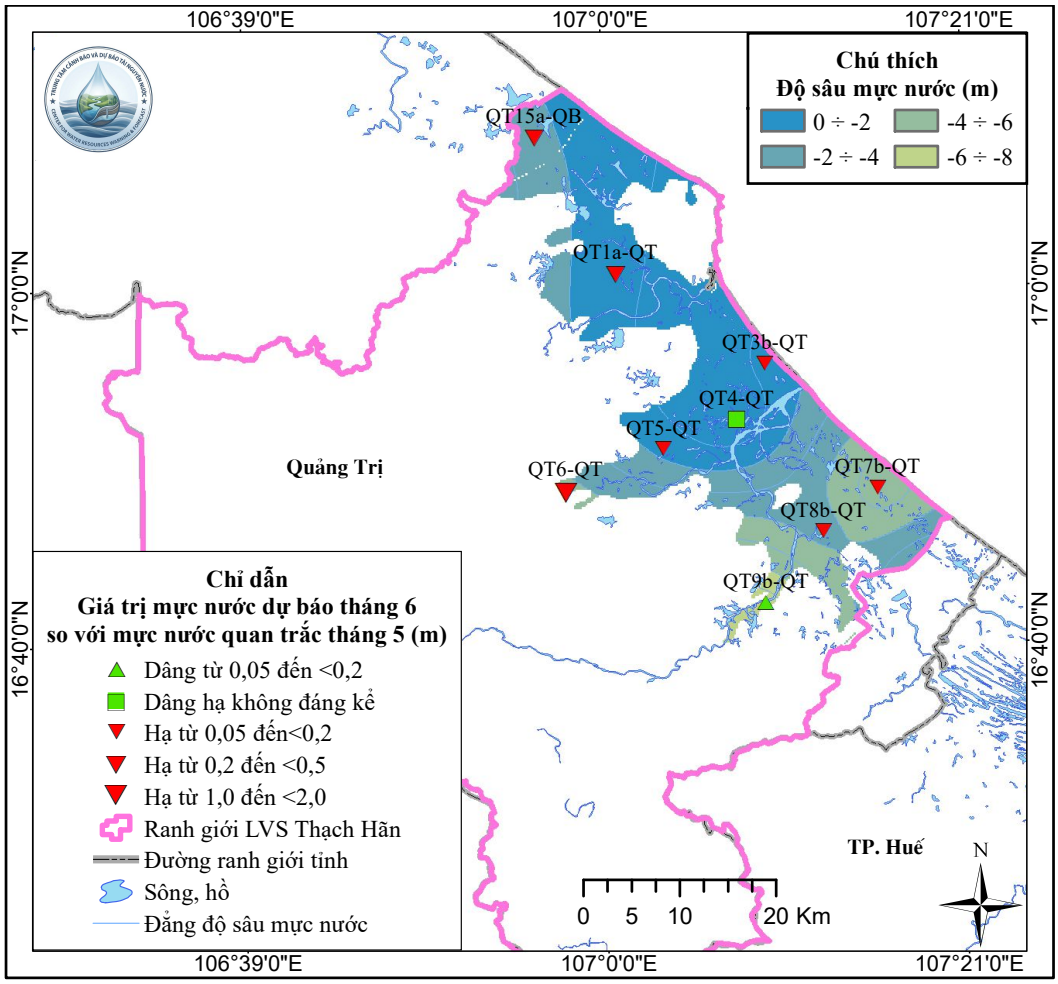

Hình 14. Sơ đồ dự báo mực nước tầng qp

2.1.3. Tầng chứa nước khe nứt - lỗ hổng trong đá trầm tích lục nguyên Neogen (n)

Diễn biến mực nước dưới đất dự báo tháng 6 so với mực nước quan trắc tháng 5 có xu thế hạ, có 3/4 công trình mực nước hạ, 1/4 công trình mực nước dâng. Mực nước hạ từ 0,2 đến 0,5m tập trung ở xã Vĩnh Thuỷ, xã Cửa Việt và mực nước dâng từ 0,05 đến 0,2m tập trung ở xã Triệu Cơ.

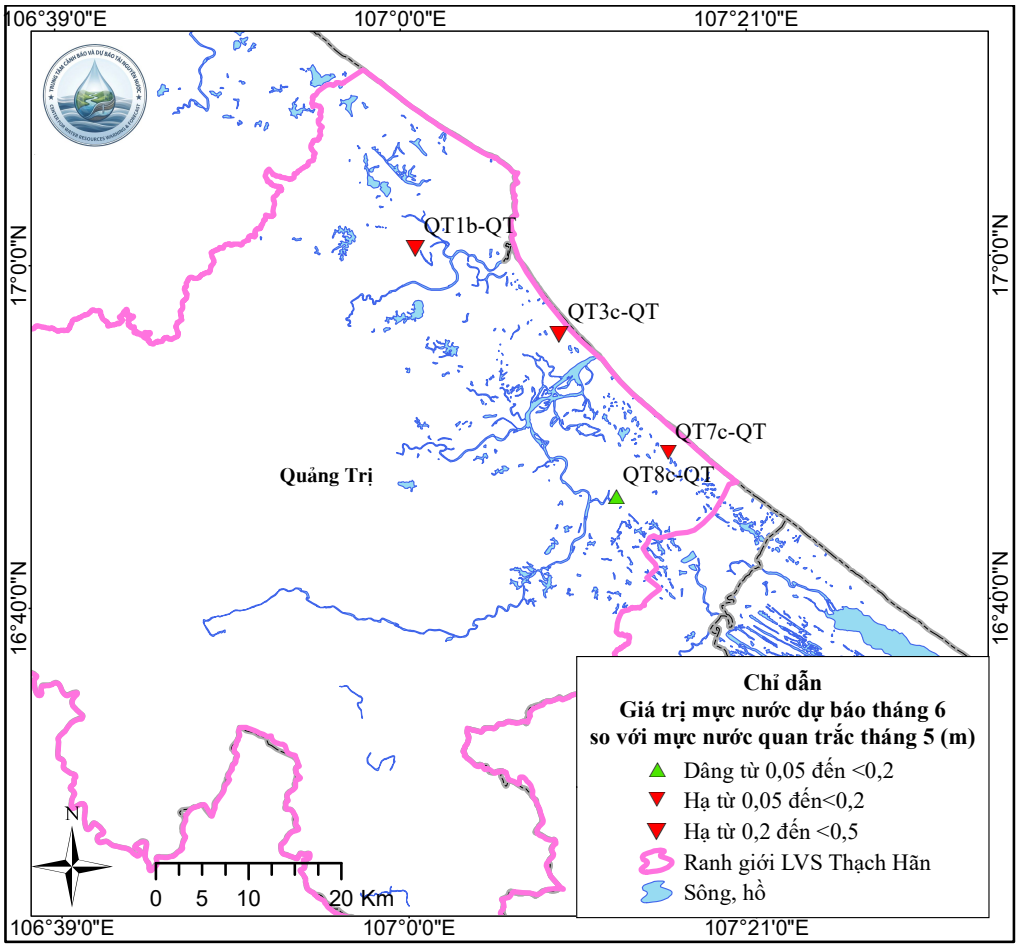

Hình 15. Sơ đồ dự báo mực nước tầng n

2.1.4. Tầng chứa nước khe nứt trong phun trào bazan Neogen - Đệ tứ (β(n-q))

Diễn biến mực nước dưới đất dự báo tháng 6 so với mực nước quan trắc tháng 5 có xu thế hạ, có 2/2 công trình mực nước hạ. Mực nước hạ từ 2 đến 4m tập trung ở xã Cồn Tiên.

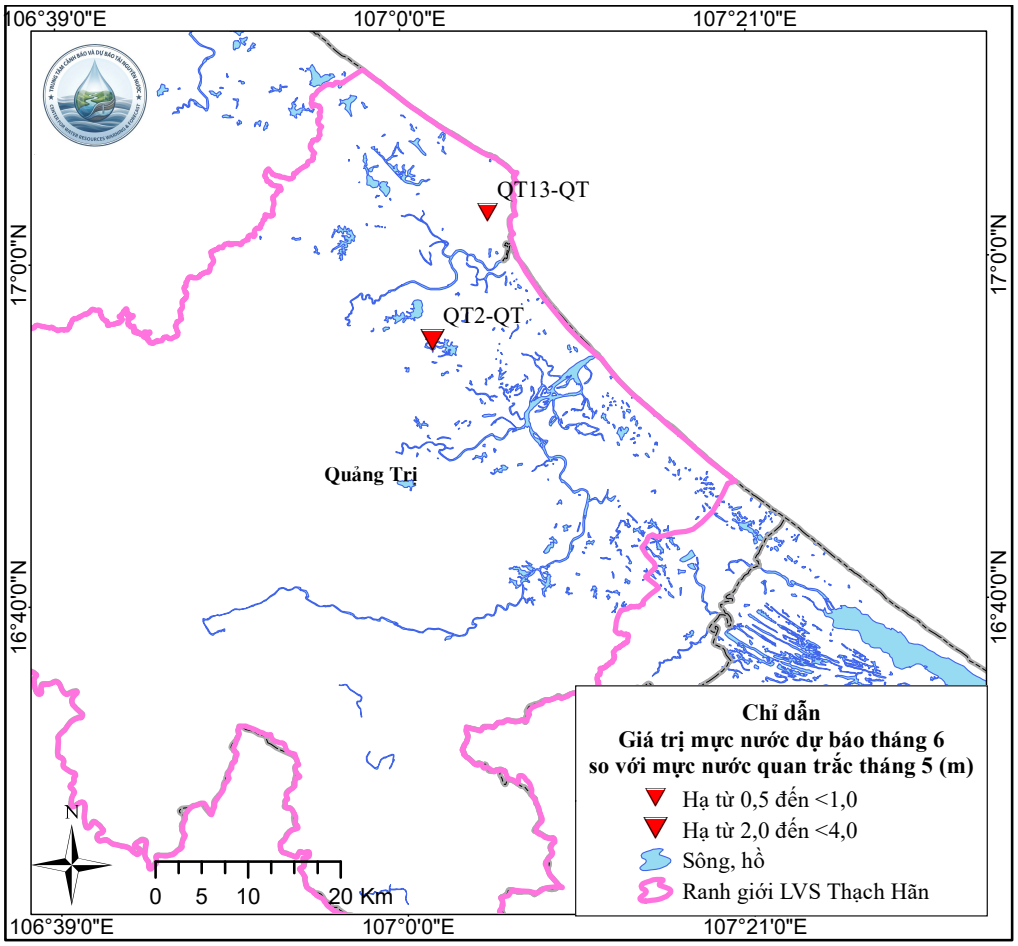

Hình 16. Sơ đồ dự báo mực nước tầng β(n-q)

2.2. Nhận định xu thế diễn biến nguồn nước dưới đất

Dự báo mực nước dưới đất trung bình tháng 6 so với mực nước quan trắc tháng 5 có xu thế hạ tại các tầng chứa nước qh, qp, n và β(n-q).

2.3. Cảnh báo nguồn nước dưới đất

Theo Khoản 18 Điều 1 Nghị định 23/2026/NĐ-CP về xác định ngưỡng khai thác nước dưới đất, trong lưu vực sông Thạch Hãn thời điểm hiện tại chưa có công trình nào có độ sâu mực nước vượt ngưỡng cần phải cảnh báo.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Hiện tại, trên phạm vi lưu vực sông Thạch Hãn chưa có công trình thuộc diện phải cảnh báo, để đảm bảo khai thác ổn định, cần theo dõi chặt chẽ diễn biến mực nước dưới đất trong các tầng chứa nước trong lưu vực sông và các bản tin dự báo tiếp theo để phục vụ quản lý, khai thác hiệu quả nguồn nước dưới đất.

Đa số các thông số chất lượng nước dưới đất trên lưu vực sông nằm trong giới hạn cho phép, đáp ứng các thông số cơ bản theo QCVN 09:2023/BTNMT. Tuy nhiên một số công trình có thông số vượt GTGH, tập trung ở tầng chứa nước Holocen (qh), Pleistocen (qp). Các thông số vượt bao gồm Mangan, Chì, Amoni. Một số khu vực đáng chú ý gồm:

+ Tầng qh: Mangan vượt tại phường Quảng Trị (QT9a-QT).

+ Tầng qp: Mangan, Chì và Amoni vượt tại xã Triệu Cơ (QT7b-QT).

Đề nghị các cơ quan chức năng ở trung ương và địa phương:

• Rà soát, cập nhật thông tin chất lượng nước tại các khu vực trên;

• Kịp thời ban hành cảnh báo và hướng dẫn người dân sử dụng nước an toàn.

Để Bản tin đáp ứng được các yêu cầu quản lý tài nguyên nước ngày một tốt hơn, các ý kiến đóng góp xin gửi về:

Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia.

Địa chỉ: Số 10 ngõ 42 phố Trần Cung, phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội.

Email: ttqhdttnnqg_bktth@mae.gov.vn

Bản tin được đăng tải tại Website: nawapi.gov.vn; cewafo.gov.vn

PHỤ LỤC

GIÁ TRỊ GIỚI HẠN CÁC THÔNG SỐ CHẤT LƯỢNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT
(QCVN 09:2023/BTNMT)

	TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn
Thông số cơ bản	1	pH	-	5,8 - 8,5
	2	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100ml	3
	3	Nitrate (NO_3^- tính theo Nitơ)	mg/l	15
	4	Amoni (NH_4^+ tính theo Nitơ)	mg/l	1
	5	Chỉ số Permanganat	mg/l	4
	6	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	1500
	7	Độ cứng (tính theo $CaCO_3$)	mg/l	500
	8	Arsenic (As)	mg/l	0,05
	9	Chloride (Cl^-)	mg/l	250
Thông số ảnh hưởng sức khỏe con người	10	Nitrite (NO_2^- tính theo Nitơ)	mg/l	1
	11	Fluoride (F^-)	mg/l	1
	12	Sulfate (SO_4^{2-})	mg/l	400
	13	Cadmi (Cd)	mg/l	0,005
	14	Cyanide (CN^-)	mg/l	0,01
	15	Thuỷ ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/l	0,001
	16	Chì (Plumbum) (Pb)	mg/l	0,01
	17	Tổng Chromi (Cr)	mg/l	0,05
	18	Đồng (Cuprum) (Cu)	mg/l	1
	19	Kẽm (Zincum) (Zn)	mg/l	3
	20	Nickel (Ni)	mg/l	0,02
	21	Mangan (Mn)	mg/l	0,5
	22	Sắt (Ferrum) (Fe)	mg/l	5
	23	Seleni (Se)	mg/l	0,01
	24	Aldrin ($C_{12}H_8Cl_6$)	mg/l	0,0001
	25	Lindane ($C_6H_6Cl_6$)	mg/l	0,00002
	26	Dieldrin ($C_{12}H_8Cl_6O$)	mg/l	0,0001
	27	Tổng DDT (1,1'-(2,2,2-Trichloroethane-1,1-diyl) bis (4-chlorobenzene) ($C_{14}H_9Cl_5$)	mg/l	0,001
	28	Heptachlor & Heptachlorepoxide ($C_{10}H_5Cl_7$ & $C_{10}H_5Cl_7O$)	mg/l	0,001
	29	Diazinon ($C_{12}H_{21}N_2O_3PS$)	mg/l	0,02
	30	Parathion ($C_{10}H_{14}NO_5PS$)	mg/l	0,06
	31	Phenol (C_6H_5OH)	mg/l	0,001
	32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
	33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1
	34	E. Coli	MPN hoặc CFU/100ml	Không phát hiện